

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST
Ngày 05-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Huyền - Phó hiệu trưởng Trường tiểu học Kim Ngọc, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
2. Ông Nguyễn Hồng Diên - Chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2021/TLST-HS, ngày 16/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

- Nông Văn L, sinh ngày 06/3/1996, tại huyện B, tỉnh H; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh H; số CMND 073413612, cấp ngày 13/4/2018, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H, sinh năm 1966 và bà Mai Thị Ú, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2021 đến ngày 03/4/2021 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú "có mặt".

- Bị hại: Anh Lý Seo P, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh H "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Lý Văn T, sinh năm 2005; Người giám hộ cho cháu Tú là anh Lý Seo P, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh H. “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

+ Bà Mai Thị Ú, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh H “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

+ Anh Vũ Văn N, sinh năm 1989 “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 24/3/2021, Nông Văn L điều khiển xe mô tô BKS 22Y-148.62, nhãn hiệu YAMAHA (L mượn của Vũ Văn N) đi từ nhà mới của L đến nhà cũ, hiện nay không ai ở thuộc Đội 4, xã Đ, huyện B. Khi đi ngang qua cổng trường cấp I, II xã Đ, L nhìn thấy có nhiều xe mô tô dựng ở ngoài nên đi về căn nhà cũ của gia đình ngay gần đó để cất xe, rồi đi bộ khoảng 100 mét quay lại khu vực gần cổng trường. Tại đây, L quan sát thấy 03 xe mô tô dựng ở lề đường bên phải theo hướng đi trung tâm xã Đ, không có ai trông coi, trong đó có xe mô tô BKS 23D1-349.13, màu sơn đỏ đen, nhãn hiệu HONDA RSX của anh Lý Seo P cho con trai là Lý Văn T sử dụng để đi học nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L đến gần xe mô tô BKS 23D1-349.13, thấy xe có khóa nên gạt chân chống phụ, dắt xe mô tô đi về nhà cũ của mình rồi cất tại khu vực chuồng gà. Sau đó L dùng hai tay tháo hai chiếc gương chiếu hậu của xe giấu ở bụi cây đại mộc cách chuồng gà 02 mét rồi tiếp tục vào nhà lấy một vỏ chăn màu đỏ có nhiều hoa văn cùng một chiếc chiếu cói có viền đỏ phủ lên xe nhằm tránh sự phát hiện của người khác. Sau khi cất giấu xe vừa trộm cắp, L điều khiển xe mô tô BKS 22Y- 148.62 mượn của N quay trở về căn nhà đang ở hiện tại của gia đình, cách căn nhà cũ khoảng 02 km để ăn cơm trưa.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, bà Mai Thị Ú là mẹ đẻ của L cũng đi đến nhà cũ của gia đình thì phát hiện tại chuồng gà, có một chiếc xe mô tô lạ được phủ chăn và chiếu ở đó. Do nghi ngờ con trai mình lấy chiếc xe lạ đó về nhà cất giấu nên bà Ú đã trình báo Công an xã đến giải quyết.

Cùng ngày 24/3/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ các đồ vật:

- 01 (một) chiếc xe mô tô BKS 23D1-349.13 màu sơn xanh đỏ đen, nhãn hiệu HONDA RSX;

- 01 (một) vỏ chần màu đỏ có nhiều hoa văn khác nhau, đã qua sử dụng;
- 01 (một) chiếc chiếu viền đỏ, đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định số: 165/KL-PC09 ngày 06/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận:

- Trên mẫu vật cần giám định ký hiệu A1 phát hiện 04 dấu vết đường vân (Ký hiệu DV1, DV2, DV3, DV4) trong đó có dấu vết đường vân ký hiệu DV4 (thu giữ tại mặt gương chiếu hậu bên trái) đủ yếu tố giám định.

- Dấu vết đường vân ký hiệu DV4 và dấu vân tay in trên ô ngón cái trái của danh chỉ bản ghi tên Nông Văn L, sinh ngày 06/3/1996, trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh H gửi làm mẫu so sánh ký hiệu M1 là cùng một người.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐGTS ngày 31/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn xanh Đỏ - Đen, BKS 23D1-349.13, số khung 3813KY007559, số máy JA38E0450575 do Việt Nam sản xuất, đăng ký sử dụng ngày 19/02/2019 trị giá 15.000.000 đồng.

Với chứng cứ và hành vi nêu trên, tại Bản cáo trạng số: 36/CT-VKSBQ ngày 15/6/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Nông Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nông Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về án phí, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nông Văn L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo,

bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nông Văn L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, bị cáo khai nhận: khoảng 10 giờ ngày 24/3/2021, bị cáo đã lén lút lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn xanh Đỏ - Đen, BKS 23D1-349.13 của anh Lý Seo P có giá trị là 15.000.000 đồng tại khu vực cổng trường cấp I, II xã Đ, huyện B, tỉnh H. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, với người làm chứng, với Biên bản hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường, Bản kết luận định giá tài sản, Bản kết luận giám định đường vân, Biên bản thu giữ vật chứng cùng những chứng cứ, tài liệu đã được thu thập, phản ánh trong hồ sơ và được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để HĐXX kết luận bị cáo Nông Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Nông Văn L nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức về hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng do cần tiền tiêu sài nên bị cáo đã cố ý thực hiện.

[6] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo Nông Văn L không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo chỉ bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường

thiệt hại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú và có nơi cư trú rõ ràng, đây cũng là căn cứ để HĐXX áp dụng loại hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

[8] Đối với hình phạt bổ sung là phạt tiền, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản và đã được bồi thường thiệt hại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự. Do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, vùng chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 135, Điều 331, Điều 333, Điều 337 của Bộ Luật tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Văn L 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/8/2021).

Giao bị cáo Nông Văn L cho UBND xã Đ, huyện B, tỉnh H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về án phí: Bị cáo Nông Văn L được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Cơ quan Công an huyện Bắc Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND xã Đ huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Huyền Nguyễn Hồng Diệm

Đinh Thị Hồng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Cơ quan Công an huyện Bắc Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND xã Đồng Tâm huyện Bắc Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lam Nguyễn Hồng Diệm Đinh Thị Hồng

